

Bản án số: 64/2026/HS-ST
Ngày: 26/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Lê Văn Chính - Cán bộ hưu trí

2. Nguyễn Trương Giáo viên hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 29/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Thanh H**, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1988, nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam; Căn cước công dân: 082088009238, ngày cấp: 08/5/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố T, phường L, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Cha: Huỳnh N, sinh năm 1951; Mẹ: Cao Thị T, sinh năm 1956; Chị: 01 người chị sinh năm 1979 (bị hại trong vụ án); Vợ: Võ Thị Bích T1, sinh năm 1985; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

*** Đại diện hợp pháp của bị cáo:**

1. Huỳnh N, sinh năm 1951, là cha; (xin vắng mặt)

2. Cao Thị T, sinh năm 1956, là mẹ (có mặt)

Cùng địa chỉ: phố T, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Phạm Duy M - Luật Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (mặt)

*** Bị hại:**

- Trần Kim P, sinh ngày 22/02/1979; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: phố T, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người làm chứng:**

1. Trần Văn H1, sinh năm: 1976 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: B N, khu phố C, phường L, tỉnh Đồng Tháp.
2. Trần Thị Kiều O, sinh năm: 2003 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: phố T, phường L, tỉnh Đồng Tháp.
3. Võ Thị Bích T1, sinh năm: 1985 (có mặt)
Địa chỉ: phố T, phường L, tỉnh Đồng Tháp.
4. Cao Thị T, sinh năm 1956 (có mặt)
Địa chỉ: phố T, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Trần Kim P và bị cáo là chị em cùng mẹ khác cha, cùng sống chung nhà mẹ ruột tên Cao Thị T tại khu phố T, phường L, tỉnh Đồng Tháp. Vào khoảng 20 giờ ngày 17/10/2024, sau khi đã có uống rượu bị cáo đi về nhà thì xảy ra mâu thuẫn cự cãi dẫn đến xô xát đánh nhau với bà P. Cụ thể, tại khu vực bên trong nhà, bị cáo dùng tay, chân đánh nhiều cái vào người bà P gây thương tích với tỷ lệ 12%, được ông Trần Văn H1 (chồng bà P) và chị Võ Thị Bích T1 (vợ bị cáo) can ngăn, bà P dùng cây chổi đánh lại bị cáo, tiếp đó bà P lấy một thanh kim loại dài 60cm (dạng ống tuýp sắt) đánh vào người bị cáo gây thương tích, bị cáo lấy dao thái lan định tấn công bà P nhưng được ông H1 và chị Trần Thị Kiều O (con gái bà P) cản lại, bà P đi trình báo Công an phường L. Đến khoảng 30 phút sau, bà P trở về nhà, tại khu vực cặp hàng rào lưới B40 trước nhà bị cáo cầm một cái kéo bằng kim loại dài 23cm xông tới đâm trúng vai trái của bà P gây thương tích với tỷ lệ 01%. Sau đó, được mọi người can ngăn, bà P được chị O đưa đi bệnh viện điều trị vết thương. Đến ngày 15/11/2024, bà P đến Công an phường L trình báo sự việc và có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo; bị cáo có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với bà P.

Ngày 17/6/2025 bà P có đơn rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo.

Ngày 03/6/2025 bị cáo có đơn rút yêu cầu khởi tố đối với bà P.

Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 456-2024/KLTTCT-TTPY ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Trung tâm y tỉnh T kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của bà Trần Kim P là: 13%.

- Xác định vật gây thương tích: Thương tích bà Trần Kim P do vật sắc nhọn gây nên.

- Phân tích tỷ lệ phần trăm từng vết thương:

+ Sẹo vết thương vai trái: Tỷ lệ 01% (Một phần trăm).

+ Tổn thương màng phổi. Tràn khí máu màng phổi trái, đã điều trị không để lại di chứng. Tỷ lệ 03% (Ba phần trăm).

+ Tổn thương màng phổi. Rách nhu mô thùy phổi trái, đã điều trị không để lại di chứng. Tỷ lệ 06% (Sáu phần trăm).

+ Gãy xương vai trái. Tỷ lệ 02% (Hai phần trăm).

+ Gãy xương sườn III trái. Tỷ lệ 02% (Hai phần trăm).

Theo công văn số 78/CV-TTPY của Trung tâm y tỉnh Đ giải thích cơ chế hình thành vết thương của bà Trần Kim P như sau: Sẹo vết thương vai trái do vật sắc nhọn gây nên. Tổn thương màng phổi, tràn khí máu màng phổi trái đã điều trị không để lại di chứng, tổn thương màng phổi, rách nhu mô thùy phổi trái đã điều trị không để lại di chứng, gãy xương vai trái, gãy xương sườn III bên trái do vật gây nên.

Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 455-2024/KLTTCT-TTPY ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Trung tâm y tỉnh T kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Huỳnh Thanh H là: 01%. Thương tích do vật gây nên.

Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 419/2025/KLGD ngày 27/10/2025 của Trung tâm Y kết luận:

Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện tại (thời điểm giám định) đương sự có bệnh lý tâm thần; rối loạn nhân cách, hành vi do sử dụng rượu (F10.71-ICD10).

Kết luận về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và hiện tại (thời điểm giám định) đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Vật chứng thu giữ:

- 01 thanh kim loại hình trụ tròn rỗng ruột dài 60cm, đường kính 2,1cm.

- 01 cái kéo bằng kim loại dài 23cm, phần lưỡi dài 13,5cm trên lưỡi có chữ ĐẶC BIỆT, phần cán dài 9,5cm bên ngoài bọc nhựa màu đen.

Tại bản cáo trạng số 73/CT-VKSKV2 ngày 03/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố Huỳnh Thanh H về tội “cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 134; Điều 50; Điều 65; điểm b, q, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 02 Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân Tối cao. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thanh H phạm tội “cố ý gây thương tích”. Xử phạt bị cáo từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 4 năm đến 5 năm. Giao bị cáo về chính quyền địa phương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: đã thỏa thuận bồi thường xong nên không đặt ra.

Về vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy

Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận do nóng giận không kiềm chế bản thân nên đã gây thương tích cho bà P, bà P cũng gây thương tích cho bị cáo nhưng bị cáo không yêu cầu xử lý hình sự đối với bà P, bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho bà P. Nay bị cáo nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật và có tội. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt; thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát viên nêu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội phụ giúp gia đình và phụng dưỡng cha mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, Bị cáo; người đại diện của bị cáo bà T (mẹ bị cáo); người bào chữa cho bị cáo xác nhận ông Huỳnh N (là cha) vắng mặt do bệnh tai biến không nhận thức được nên không thể dự phiên tòa, đồng thời thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; biên bản lời khai người bị hại; người làm chứng, người liên quan; Biên bản khám nghiệm hiện trường; các Kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Bị cáo Huỳnh Thanh H là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, vào lúc 20 giờ ngày 17/10/2024, tại nhà bà Cao Thị T, tọa lạc khu phố T, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay khu phố T, phường L, tỉnh Đồng Tháp), bị cáo có hành vi dùng tay chân đánh liên tiếp vào người bà P gây thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%, sau khi bà P trình báo công an về gần đến nhà thì bị cáo tiếp tục dùng kéo bằng kim loại dài 23cm (hung khí nguy hiểm) đâm vào vai trái của bà P gây thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%. Mặc dù bà P có đơn rút yêu cầu xử lý hình sự đối bị cáo tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Tại điểm c khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, quy định:

“Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) ..., khí nguy hiểm hoặc...;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

[3] Về tính chất, mức độ:

Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của hai bị hại, đây là quyền bất khả xâm phạm của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì tức giận cá nhân nên cố ý phạm tội. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo chưa có án, tiền sự; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường, khắc phục hậu quả; bị cáo là người hạn chế khả năng nhận thức; người bị hại có đơn xin bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; phía bị hại cũng có lỗi gây thương tích đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b; q; s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xét thấy, bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trước khi phạm tội bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật. Mặc dù bị cáo phạm tội với tình tiết định khung là phạm tội 02 lần trở lên, tuy nhiên các lần phạm tội thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, do đó cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đủ sức giáo dục bị cáo và không gây nguy hiểm cho xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 thanh kim loại hình trụ tròn rỗng ruột dài 60cm, đường kính 2,1cm.

- 01 cái kéo bằng kim loại dài 23cm, phần lưỡi dài 13,5cm trên lưỡi có chữ ĐẶC BIỆT, phần cán dài 9,5cm bên ngoài bọc nhựa màu đen.

Đây là vật dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị hại có yêu cầu bị cáo bồi thường nên giữa bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, nay bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí: bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[8] Đối với bị hại bà Trần Kim P có hành vi dùng hung khí đánh bị cáo H gây thương tích tỷ lệ 01%, tuy nhiên bị cáo đã rút đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với bị hại P, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với bà P là đúng quy định pháp luật.

[9] Qua xem xét quan điểm của Kiểm sát viên về những chứng cứ buộc tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử nhận.

[10] Xét lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo; Hội đồng xét xử có xem xét khi quyết định mức hình phạt.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 134; Điều 50; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025; Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân Tối cao

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thanh H phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh H 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Huỳnh Thanh H cho Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 thanh kim loại hình trụ tròn rỗng ruột dài 60cm, đường kính 2,1cm.

- 01 cái kéo bằng kim loại dài 23cm, phần lưỡi dài 13,5cm trên lưỡi có chữ ĐẶC BIỆT, phần cán dài 9,5cm bên ngoài bọc nhựa màu đen.

(Tang vật theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/3/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra an tỉnh Đ và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2)

Thi hành khi án có hiệu lực.

3. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bị cáo Huỳnh Thanh H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự.

4. *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo; người đại diện cho bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; người bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. (Trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- **Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA hình sự CA tỉnh Đồng Tháp;**
- Phân trại tạm giam Gò Công;
- Trại tạm giam số 2 công an tỉnh Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo;
- Bị hại; người tham gia tố tụng khác;
- Bộ phận THA Hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Lắm

